TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ- ST.
Ngày: 18/8/2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Sung;
2. Bà Lò Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 18/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2023/TLST – HNGĐ ngày 17/4/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXX - ST ngày 14/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2023/QĐST - HPT ngày 01/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vừ Thị M – Sinh năm 1993 "có mặt".
Nơi ĐKHKTT: Bản H C 2, xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.
Chỗ ở: Bản X N, xã H T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Vàng A P – Sinh năm 1993 " vắng mặt".
Địa chỉ: Bản H C 2, xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/4/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Vừ Thị M (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Phông lấy nhau từ năm 2010, nhưng đến ngày 09/9/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Phông ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con gia đình không hạnh phúc và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Hiện nay không còn tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến nhau. Chúng tôi đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phông.

2. Về con chung: Chị Mỷ khai vợ chồng có 04 con chung là: Vàng Thị Sênh, sinh ngày 10/9/2011, Vàng Thị Pà, sinh ngày 06/9/2016, Vàng Thị Linh, sinh ngày 25/10/2020 và Vàng A Đức, sinh ngày 27/7/2019. Chị Mỷ có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là Vàng Thị Sênh và Vàng Thị Linh, đồng ý cho anh nuôi hai con chung là Vàng Thị Pà và Vàng A Đức.

Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Sênh là có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 15/6/2023 (bị đơn) anh Vàng A P trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Mỷ lấy nhau tự nguyện và đăng ký tại UBND xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ngày 09/9/2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc sau này thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tôi công nhận có được đi chơi bời một thời gian, nhưng đến nay đã không đi chơi bời nữa và chỉ ở nhà trông con. Hai vợ chồng mâu thuẫn chưa được hai bên gia đình hòa giải thì cô Mỷ đã tự ý bỏ về bố mẹ đẻ ở, tôi đi đón nhiều lần nhưng cô Mỷ không về. nay cô Mỷ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Phông khai vợ chồng có 04 con chung như cô Mỷ trình bày là đúng. Anh Phông có nguyện vọng muốn được nuôi cả 04 con chung.

Về tài sản:

Tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Diện tích ruộng nương: Không có.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân xác nhận của UBND xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đã xác nhận chị Mỷ và anh Phông lấy nhau từ năm 2010, nhưng đến ngày 09/9/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Phông ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con gia đình không hạnh phúc và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay.

Tại giấy xác nhận tình trạng hôn nhân xác nhận của trưởng bản Chá A Dia là năm 2023 anh Vàng A P đã lấy vợ hai, nên Vừ Thị M không quay lại lấy Vàng A P và quyết định ly hôn với Vàng A P.

Hai vợ chồng có 04 con chung.

Hai người đều có khả năng nuôi con là Vàng Thị Sênh, sinh ngày 10/9/2011, Vàng Thị Pà, sinh ngày 06/9/2016, Vàng Thị Linh, sinh ngày 25/10/2020 và Vàng A Đức, sinh ngày 27/7/2019.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các đương sự đều là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đều được miễn án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn Vừ Thị M, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Mỷ xin ly hôn với anh Phông, anh Phông có hộ khẩu thường trú tại xã M P, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng:

Chị Mỷ và anh Phông lấy nhau năm 2010 nhưng đến năm 2019 mới đi đăng ký kết hôn, đến năm 2023 thì chị Mỷ khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Mỷ và anh Phông lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hai người không còn quan tâm đến nhau, do anh Phông ngoại tình với người phụ nữ khác, đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Mỷ và anh Phông đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Mỷ xác định tình cảm của mình đối với anh Phông không còn. Tại phiên tòa chị Mỷ vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phông. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị Mỷ khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Mỷ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Vừ Thị M và anh Vàng A P.

[5]. Về con chung:

Hai vợ chồng có 04 con chung là Vàng Thị Sênh, sinh ngày 10/9/2011, Vàng Thị Pà, sinh ngày 06/9/2016, Vàng Thị Linh, sinh ngày 25/10/2020 và Vàng A Đức, sinh ngày 27/7/2019.

Tại bản tự khai của cháu Sênh có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tại phiên tòa chị Mỷ có nguyện vọng muốn được nuôi 02 con chung là Vàng Thị Sênh và Vàng Thị Linh, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy nguyện vọng của chị Mỷ là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Mỷ giao 02 con chung là Vàng Thị Sênh và Vàng Thị Linh cho chị Mỷ trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Giao 02 con chung là Vàng Thị Pà, và Vàng Anh Đức cho anh Phông trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, tài sản chung, diện tích ruộng, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí:

Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự đều là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đều được miễn án phí DSST.

[8]. Đối với việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:

Đối với bị đơn Vàng A P: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án. Sau đó Tòa án Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Anh Phông có tham gia các phiên họp, hòa giải nhưng không tham gia phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

1- Tuyên xử: Cho chị Vừ Thị M được ly hôn với anh Vàng A P.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Mỷ và giao 02 con chung là Vàng Thị Sênh, Vàng Thị Linh cho chị Mỷ trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Giao 02 con chung là Vàng Thị Pà, và Vàng Anh Đức cho anh Phông trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Chấp nhận yêu cầu của chị Mỷ và anh Phông về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các đương sự đều là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đều được miễn án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS;

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã M P;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Lò Văn Sung	Lường Văn Lương	Lò Thị Vinh